



**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng
Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế
Thông tin về Công ty

Giấy phép đầu tư số	197/GP-KCN-ĐN	ngày 24 tháng 1 năm 2003
	197/GPĐC1-KCN-ĐN	ngày 21 tháng 5 năm 2005
	197/GPĐC2-KCN-ĐN	ngày 26 tháng 4 năm 2006
	197/GCNĐC3-KCN-ĐN	ngày 29 tháng 8 năm 2006

Giấy phép đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là theo giấy phép đầu tư số 197/GCNĐC3-KCN-ĐN ngày 29 tháng 8 năm 2006. Giấy phép đầu tư và các giấy phép đầu tư điều chỉnh do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 47 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Giấy chứng nhận đầu tư số	47203300720	ngày 17 tháng 12 năm 2008
----------------------------------	-------------	---------------------------

Giấy chứng nhận đầu tư do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 47 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	3600618918	ngày 31 tháng 8 năm 2015
--	------------	--------------------------

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

Hội đồng Quản trị	Phạm Trung Lâm	Chủ tịch
	Trần Phương Bắc	Thành viên
	Danny Lê	Thành viên

Ban Giám đốc	Phạm Trung Lâm	Tổng Giám đốc
	Ernest Vijyakumar Richards	Giám đốc Vận hành
	Nguyễn Thị Minh Hằng	Giám đốc Tài chính

Ban Kiểm soát	Đoàn Thị Mỹ Duyên	Trưởng Ban Kiểm soát
	Đặng Ngọc Cả	Thành viên
	Đào Thị Mai Hoa	Thành viên (đến ngày 10 tháng 4 năm 2017)

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Lô A4, Đường số 2
Khu Công nghiệp Sông Mây
Xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế
Báo cáo của Ban Giám đốc


Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 56 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 8 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 6 đến trang 56.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.




Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-797-HN




Chong Kwang Puay
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0864-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồ Khánh Tân
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3458-2015-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.758.923.739.853	3.134.392.844.632
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	602.451.354.992	1.136.584.266.210
Tiền	111		55.951.354.992	74.484.266.210
Các khoản tương đương tiền	112		546.500.000.000	1.062.100.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	130.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	130.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		584.830.852.219	766.648.783.009
Phải thu của khách hàng	131	6	342.696.210.156	652.057.790.498
Trả trước cho người bán	132	7	68.007.601.527	103.825.200.642
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	108.761.300.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	104.010.095.293	16.217.752.300
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	10	(38.644.354.757)	(5.451.960.431)
Hàng tồn kho	140	11	544.668.084.926	1.220.771.725.418
Hàng tồn kho	141		546.733.167.033	1.228.169.388.530
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.065.082.107)	(7.397.663.112)
Tài sản ngắn hạn khác	150		26.973.447.716	10.258.069.995
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16(a)	7.936.452.954	8.257.883.540
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.484.056.538	1.687.666.770
Thuế phải thu Nhà nước	153	19(b)	9.552.938.224	312.519.685

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		4.265.160.151.270	6.089.869.617.407
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.010.247.317.837	2.750.726.504.897
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	937.000.000.000	2.631.574.458.000
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	73.247.317.837	119.152.046.897
Tài sản cố định	220		657.590.249.626	732.115.553.251
Tài sản cố định hữu hình	221	12	558.523.372.997	702.653.346.207
Nguyên giá	222		829.500.761.811	940.393.646.832
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(270.977.388.814)	(237.740.300.625)
Tài sản cố định vô hình	227	13	99.066.876.629	29.462.207.044
Nguyên giá	228		101.486.158.204	29.905.247.750
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.419.281.575)	(443.040.706)
Tài sản dở dang dài hạn	240		271.697.390.541	298.573.858.996
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	271.697.390.541	298.573.858.996
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.135.490.172.000	2.135.490.172.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	2.135.490.172.000	2.135.490.172.000
Tài sản dài hạn khác	260		190.135.021.266	172.963.528.263
Chi phí trả trước dài hạn	261	16(b)	136.229.844.065	98.540.421.304
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	53.905.177.201	74.423.106.959
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.024.083.891.123	9.224.262.462.039

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.982.208.555.279	7.524.702.163.345
Nợ ngắn hạn	310		1.157.287.617.710	5.043.947.226.857
Phải trả người bán	311	18	294.312.999.415	772.216.870.849
Người mua trả tiền trước	312		6.330.254.010	8.168.020.851
Thuế phải nộp Nhà nước	313	19(a)	15.125.307.196	46.408.956.037
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	291.840.016.686	754.473.369.412
Phải trả ngắn hạn khác	319	21(a)	3.831.734.883	1.993.998.280.545
Vay ngắn hạn	320	22(a)	545.840.190.814	1.468.674.614.457
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.114.706	7.114.706
Nợ dài hạn	330		2.824.920.937.569	2.480.754.936.488
Chi phí phải trả dài hạn	333	20	-	34.243.411.378
Phải trả dài hạn khác	337	21(b)	13.744.595.980	37.578.191.778
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	22(b)	2.805.879.808.839	2.408.933.333.332
Dự phòng phải trả dài hạn	342		5.296.532.750	-
EQUITY (400 = 410)	400		2.041.875.335.844	1.699.560.298.694
Vốn chủ sở hữu	410	23	2.041.875.335.844	1.699.560.298.694
Vốn cổ phần	411	24	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		944.868.793	944.868.793
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		944.868.793	944.868.793
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.839.975.598.258	1.497.660.561.108
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.497.660.561.108	216.235.525.925
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		342.315.037.150	1.281.425.035.183
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10.000.000	10.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.024.083.891.123	9.224.262.462.039

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tâm
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2017

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	7.782.409.354.480	11.356.787.086.729
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	379.565.499.171	787.779.940.739
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	26	7.402.843.855.309	10.569.007.145.990
Giá vốn hàng bán	11	27	5.763.840.047.056	8.104.957.477.534
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.639.003.808.253	2.464.049.668.456
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	217.924.165.686	178.083.651.388
Chi phí tài chính	22	29	396.538.483.835	157.818.648.508
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>392.442.273.529</i>	<i>151.066.086.421</i>
Chi phí bán hàng	25	30	696.922.054.498	1.053.258.332.654
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	194.546.003.478	152.211.837.848
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		568.921.432.128	1.278.844.500.834
Thu nhập khác	31	32	5.481.685.263	144.118.185.118
Chi phí khác	32	33	3.264.698.523	6.814.274.020
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.216.986.740	137.303.911.098
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (mang sang trang sau)	50		571.138.418.868	1.416.148.411.932

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2017 (tiếp theo)

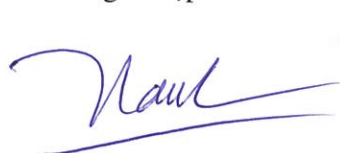
Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (trang trước mang sang)	50		571.138.418.868	1.416.148.411.932
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	23.491.890.456	164.165.984.453
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	35	20.517.929.758	(29.442.607.704)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		527.128.598.654	1.281.425.035.183
Phân bổ cho:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	61		527.128.598.654	1.281.425.035.183
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	26.356	64.071

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tâm
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		571.138.418.868	1.416.148.411.932
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		98.730.754.740	58.734.198.662
Các khoản dự phòng	03		45.093.657.888	8.385.355.091
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.957.412.491)	3.399.353.875
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(213.691.441.282)	(177.166.331.890)
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	06		392.442.273.529	151.066.086.421
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		891.756.251.252	1.460.567.074.091
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		181.169.272.403	(395.432.456.097)
Biến động hàng tồn kho	10		534.997.829.493	(368.618.719.859)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(790.263.479.492)	562.537.546.120
Biến động chi phí trả trước	12		(67.717.854.361)	(18.406.708.494)
			749.942.019.295	1.240.646.735.761
Tiền lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu đã trả	14		(240.255.453.895)	(97.837.505.607)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(63.120.114.226)	(185.944.253.463)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		446.566.451.174	956.864.976.691

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2017	2016
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	21		(333.821.071.300)	(614.164.497.131)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		6.403.510.223	1.739.896.657
Tiền chi cho vay và đầu tư tài chính ngắn hạn	23		(910.000.000.000)	(6.261.466.378.000)
Tiền thu hồi cho vay và đầu tư tài chính ngắn hạn	24		402.630.000.000	4.418.161.920.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty liên kết	25		-	(2.135.490.172.000)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		45.895.446.192	50.685.578.874
Thanh lý các công ty con, tiền chi thuần	4		(31.738.894.691)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(820.631.009.576)	(4.540.533.651.600)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ nhận vốn góp vào công ty con bởi cổ đông không kiểm soát	31		-	10.000.000
Tiền thu từ đi vay và phát hành trái phiếu	33		6.648.001.331.558	12.847.312.663.456
Tiền trả nợ gốc vay	34		(4.820.069.684.374)	(9.113.454.787.893)
Tiền trả cổ tức	36		(1.988.000.000.000)	(190.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(160.068.352.816)	3.543.867.875.563

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(534.132.911.218)	(39.800.799.346)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.136.584.266.210	1.176.385.065.556
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	602.451.354.992	1.136.584.266.210

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tâm
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính



Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Trụ sở chính của Công ty (“Trụ sở chính”) đặt tại Lô A4, Đường số 2, Khu Công nghiệp Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Chi nhánh Công ty tại tỉnh Hà Nam (“Chi nhánh”) được thành lập theo giấy chứng nhận đầu tư số 06212000062 ngày 18 tháng 1 năm 2006 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 9 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2017: 8 công ty con và 1 công ty liên kết).

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các hoạt động chính của các công ty con và công ty liên kết được mô tả như sau:

Số thứ tự	Tên công ty	Các hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích kinh tế và quyền biểu quyết	
				31/12/2017	1/1/2017
Công ty con					
<i>Công ty con sở hữu trực tiếp</i>					
1	Công ty Liên doanh Dinh dưỡng Thủy sản Quốc tế (i)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chế biến tôm, cá và mực; sản xuất, chế biến khoai mì, bột mì, bắp, gạo, ngũ cốc và bột ngũ cốc.	Khu IV, tuyến công nghiệp Cổ Chiên, ấp Sơn Đông, xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.	100,00%	100,00%
2	Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Lô B4.06, khu công nghiệp Nhơn Hội (Khu A), khu kinh tế Nhơn Hội, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.	100,00%	100,00%
3	Công ty TNHH Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Thái Nguyên (i)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Lô B5-B6, khu công nghiệp Trung Thành, xã Trung Thành, thị xã Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.	100,00%	100,00%

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Số thứ tự	Tên công ty	Các hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích kinh tế và quyền biểu quyết	
				31/12/2017	1/1/2017
4	Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang (i)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Lô 22-23B, khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.	0%	100,00%
5	Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An (i)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Khu C, khu công nghiệp Nam Cẩm, khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.	0%	100,00%
6	Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Hậu Giang (i)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Đường số 4, khu công nghiệp Tân Phú Thạnh, giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	100,00%	100,00%
7	Công ty TNHH MNS Meat (trước đây là “Công ty TNHH Masan Nutri-Farm”)	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.	(Trong khuôn viên Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế) Lô A4, đường số 2, khu công nghiệp Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	99,999%	99,999%

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Số thứ tự	Tên công ty	Các hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích kinh tế và quyền biểu quyết	
				31/12/2017	1/1/2017
Công ty con sở hữu gián tiếp					
1	Công ty TNHH Masan Nutri-Farm (N.A)	Chăn nuôi lợn.	Xóm Côn Sơn, xã Hạ Sơn, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.	99,999%	99,999%
2	Công ty TNHH MNS Meat Processing (ii)	Chế biến và bảo quản thịt.	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	99,999%	-
3	Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam (iii)	Chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm chế biến từ thịt.	Lô CN-02, Khu công nghiệp Đồng Văn IV, Xã Đại Cường, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.	99,999%	-
4	Công ty TNHH MNS Farm (iv)	Chăn nuôi lợn.	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	99,999%	-
Công ty liên kết sở hữu trực tiếp					
1	Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản (“Vissan”)	Chế biến và kinh doanh thịt tươi sống, thực phẩm và các sản phẩm chế biến từ thịt.	Số 420, đường Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	24,94%	24,94%

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Vào tháng 12 năm 2017, Công ty ký kết hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp với Công ty TNHH MNS Feed (trước đây gọi là “Công ty TNHH Masan Nutri-Feed”), một công ty con của Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science, để chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của mình vào Công ty Liên doanh Dinh dưỡng Thủy sản Quốc tế, Công ty TNHH Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Thái Nguyên, Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang, Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An, Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Hậu Giang với giá chuyển nhượng là 242.362 triệu VND bao gồm phí giao dịch. Việc chuyển giao Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang và Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An đã hoàn thành trong năm. Việc chuyển giao các công ty con còn lại đã được hoàn thành vào tháng một và tháng hai năm 2018.
- (ii) Trong tháng 8 năm 2017, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314547548 phê duyệt việc thành lập Công ty TNHH MNS Meat Processing. Công ty TNHH MNS Meat sở hữu 100,00% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty TNHH MNS Meat Processing.
- (iii) Trong tháng 8 năm 2017, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam đã cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0700793788 phê duyệt việc thành lập Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam. Công ty TNHH MNS Meat có 100,00% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam.
- (iv) Trong tháng 12 năm 2017, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0314805164 phê duyệt việc thành lập Công ty TNHH MNS Farm. Công ty TNHH MNS Meat có 100,00% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty TNHH MNS Farm.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ thực tế các lợi ích kinh tế của Công ty trong các công ty con sở hữu trực tiếp và gián tiếp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 1.253 nhân viên (1/1/2017: 1.628 nhân viên).

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi tỷ lệ sở hữu vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thay đổi tỷ lệ sở hữu vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi Tập đoàn mất quyền kiểm soát tại một công ty con trong một giao dịch chịu sự kiểm soát chung, Tập đoàn dùng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Khoản chênh lệch giữa giá bán và giá trị ghi sổ của tài sản thuần thanh lý được xem như khoản phân phối cho hoặc khoản phải thu từ nhà đầu tư và được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong vốn chủ sở hữu. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của đơn vị bị mua được hợp nhất sử dụng giá trị hợp lý. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn để đổi quyền kiểm soát đơn vị bị mua tại ngày trao đổi và các chi phí giao dịch. Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và lợi ích của Tập đoàn trong phần giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và khoản nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá lần lượt là tỷ giá chuyển khoản mua và tỷ giá chuyển khoản bán, của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 20 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 - 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 - 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	4 - 12 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thanh toán tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 45 đến 49 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 7 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo quy định hiện hành. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 45 đến 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 năm đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 năm đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch do giá phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời trên có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(t) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Thanh lý các công ty con

Tại ngày 22 tháng 12 và ngày 28 tháng 12 năm 2017, Công ty đã chuyển nhượng 100% lợi ích vốn chủ sở hữu tại các công ty con, Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang và Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An, cho một bên liên quan, cho mục đích tái cấu trúc. Việc thanh lý này có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày thanh lý như sau:

	Tại ngày thanh lý		
	Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang VND	Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.518.255.057	11.220.639.634	31.738.894.691
Các khoản phải thu ngắn hạn	97.401.453.745	9.257.437.929	106.658.891.674
Các khoản phải thu dài hạn	5.000.000	-	5.000.000
Hàng tồn kho	100.062.027.911	46.027.283.449	146.089.311.360
Tài sản ngắn hạn khác	1.217.267.817	186.837.749	1.404.105.566
Tài sản cố định hữu hình – thuần	134.454.280.843	239.996.786.681	374.451.067.524
Tài sản cố định vô hình – thuần	1.354.240.255	1.764.107.137	3.118.347.392
Tài sản dài hạn khác	23.292.755.517	5.897.745.480	29.190.500.997
Phải trả người bán	(65.180.343.786)	(72.452.022.592)	(137.632.366.378)
Người mua trả tiền trước	(6.545.231.914)	(453.517.195)	(6.998.749.109)
Thuế phải nộp Nhà nước	(1.170.514.549)	(46.071.134)	(1.216.585.683)
Chi phí phải trả	(42.687.888.355)	(11.120.449.799)	(53.808.338.154)
Vay ngắn hạn	(74.024.715.465)	(135.502.655.362)	(209.527.370.827)
Phải trả ngắn hạn khác	(484.960.558)	(11.872.186.991)	(12.357.147.549)
Giá trị ghi sổ của tài sản thuần đã thanh lý	188.211.626.518	82.903.934.986	271.115.561.504
Chênh lệch ghi nhận trong Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 23)	(165.909.626.518)	(18.903.934.986)	(184.813.561.504)
Giá bán	22.302.000.000	64.000.000.000	86.302.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền của công ty con đã thanh lý	(20.518.255.057)	(11.220.639.634)	(31.738.894.691)

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	57.159.831	404.509.861
Tiền gửi ngân hàng	55.892.852.911	74.079.756.349
Tiền đang chuyển	1.342.250	-
Các khoản tương đương tiền	546.500.000.000	1.062.100.000.000
<hr/>		
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	602.451.354.992	1.136.584.266.210

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

6. Phải thu của khách hàng – ngắn hạn

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	36.657.037.579	194.471.146.721
Các khách hàng khác	306.039.172.577	457.586.643.777
<hr/>		
	342.696.210.156	652.057.790.498

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	36.657.037.579	194.471.146.721
Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang	27.744.976.426	-
Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An	14.427.432.360	-
Công ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Proconco Hưng Yên	7.789.710.841	20.299.956.240
Công ty TNHH Một Thành viên Con Cò Bình Định	5.890.335.889	5.851.735.071
Công ty TNHH Một Thành viên Proconco Cần Thơ	59.916.000	-

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Trả trước cho người bán

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trả trước để mua tài sản cố định	45.782.702.914	75.773.102.175
Trả trước để mua hàng tồn kho	12.666.522.733	15.031.195.305
Trả trước để mua dịch vụ	-	12.076.074.173
Khác	9.558.375.880	944.828.989
	<hr/>	<hr/>
	68.007.601.527	103.825.200.642
	<hr/>	<hr/>

8. Phải thu về cho vay

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu về cho vay từ:		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (*)	937.000.000.000	396.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An (**)	108.761.300.000	-
Công ty TNHH Kenji	-	788.400.000.000
Công ty TNHH Shika	-	1.447.174.458.000
	<hr/>	<hr/>
	1.045.761.300.000	2.631.574.458.000
	<hr/>	<hr/>
Ngắn hạn	108.761.300.000	-
Dài hạn	937.000.000.000	2.631.574.458.000
	<hr/>	<hr/>
	1.045.761.300.000	2.631.574.458.000
	<hr/>	<hr/>

(*) Khoản phải thu về cho vay dài hạn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, công ty mẹ cấp cao nhất, phản ánh khoản cho vay bằng VND không được đảm bảo, hưởng lãi suất năm là 6,5%. Khoản cho vay này sẽ đáo hạn vào ngày 11 tháng 7 năm 2021 và tiền lãi sẽ thu hồi vào ngày đáo hạn.

(**) Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An, một bên liên quan, phản ánh khoản cho vay bằng VND không được đảm bảo, hưởng lãi suất năm là 6,6%. Khoản cho vay này sẽ đáo hạn vào ngày 1 tháng 1 năm 2019 và tiền lãi sẽ thu hồi vào ngày đáo hạn.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Khoản phải thu từ thanh lý các công ty con (*)	86.302.000.000	-
Các khoản tạm ứng	1.778.330.658	4.510.677.176
Tiền đặt cọc ngắn hạn	619.083.000	1.219.387.100
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	915.222.222	-
Cho mượn nguyên liệu và các khoản khác phải thu từ các bên liên quan	505.934.788	-
Lãi phải thu từ các bên liên quan	11.823.986.991	7.550.684.931
Phải thu khác	2.065.537.634	2.937.003.093
	<hr/>	<hr/>
	104.010.095.293	16.217.752.300
	<hr/>	<hr/>

(*) Khoản phải thu từ Công ty TNHH MNS Feed không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Lãi phải thu từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	73.240.575.344	4.589.534.247
Lãi phải thu từ Công ty TNHH Kenji	-	62.553.600.000
Lãi phải thu từ Công ty TNHH Shika	-	52.008.912.650
Khác	6.742.493	-
	<hr/>	<hr/>
	73.247.317.837	119.152.046.897
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	5.451.960.431	4.464.268.452
Tăng dự phòng trong năm	44.780.625.499	3.431.393.654
Hoàn nhập	-	(2.443.701.675)
Thanh lý các công ty con	(11.588.231.173)	-
	38.644.354.757	5.451.960.431

11. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	105.380.647.543	-	506.295.930.533	-
Nguyên vật liệu	388.266.879.781	(2.065.082.107)	639.628.108.828	(7.397.663.112)
Công cụ và dụng cụ	3.586.799.281	-	49.492.919	-
Thành phẩm	49.147.880.060	-	78.623.076.888	-
Hàng hóa	350.960.368	-	3.572.779.362	-
	546.733.167.033	(2.065.082.107)	1.228.169.388.530	(7.397.663.112)

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	7.397.663.112	-
Tăng dự phòng trong năm	-	7.397.663.112
Hoàn nhập	(4.983.500.361)	-
Thanh lý các công ty con	(349.080.644)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.065.082.107	7.397.663.112

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 2.065 triệu VND (1/1/2017: 7.398 triệu VND) nguyên vật liệu lỗi thời không có dự định sử dụng. Những khoản mục này liên quan đến bao bì với nhãn in cũ dự kiến được thanh lý phế liệu trong năm tới.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	511.791.548.549	331.967.690.091	73.018.047.113	23.616.361.079	940.393.646.832
Tăng trong năm	7.758.921.993	36.043.332.581	4.483.100.916	267.125.870	48.552.481.360
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	150.278.740.676	131.363.658.065	-	814.490.255	282.456.888.996
Thanh lý	-	(3.085.863.459)	(9.391.901.048)	-	(12.477.764.507)
Phân loại lại	12.357.191.543	(13.126.259.975)	440.000.000	329.068.432	-
Thanh lý các công ty con	(259.799.853.912)	(146.734.543.936)	(7.503.720.000)	(15.386.373.022)	(429.424.490.870)
Số dư cuối năm	422.386.548.849	336.428.013.367	61.045.526.981	9.640.672.614	829.500.761.811
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	90.484.263.974	101.680.555.892	38.626.814.191	6.948.666.568	237.740.300.625
Khấu hao trong năm	44.338.800.021	41.348.670.176	8.757.474.860	2.502.712.634	96.947.657.691
Thanh lý	-	(689.791.032)	(8.047.355.124)	-	(8.737.146.156)
Phân loại lại	4.499.370.278	(3.180.134.036)	(16.731.891)	(1.302.504.351)	-
Thanh lý các công ty con	(26.266.684.045)	(23.012.198.779)	(2.287.697.477)	(3.406.843.045)	(54.973.423.346)
Số dư cuối năm	113.055.750.228	116.147.102.221	37.032.504.559	4.742.031.806	270.977.388.814
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	421.307.284.575	230.287.134.199	34.391.232.922	16.667.694.511	702.653.346.207
Số dư cuối năm	309.330.798.621	220.280.911.146	24.013.022.422	4.898.640.808	558.523.372.997

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 44.409 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 35.095 triệu VND), đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	29.905.247.750	-	29.905.247.750
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	54.465.326.883	20.478.864.756	74.944.191.639
Thanh lý các công ty con	-	(3.363.281.185)	(3.363.281.185)
Số dư cuối năm	84.370.574.633	17.115.583.571	101.486.158.204
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	443.040.706	-	443.040.706
Khấu hao trong năm	757.983.572	1.463.191.090	2.221.174.662
Thanh lý các công ty con	-	(244.933.793)	(244.933.793)
Số dư cuối năm	1.201.024.278	1.218.257.297	2.419.281.575
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	29.462.207.044	-	29.462.207.044
Số dư cuối năm	83.169.550.355	15.897.326.274	99.066.876.629

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	298.573.858.996	43.761.702.905
Tăng trong năm	330.769.356.557	537.031.293.923
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(282.456.888.996)	(292.944.137.832)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(74.944.191.639)	-
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	10.725.000.000
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(178.442.731)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(66.301.646)	-
	271.697.390.541	298.573.858.996

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Nhà cửa	190.163.111.953	160.644.582.755
Máy móc	75.498.740.813	79.757.694.022
Phần mềm máy vi tính	223.549.999	1.082.707.386
Khác	5.811.987.776	57.088.874.833
	271.697.390.541	298.573.858.996

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

15. Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2017					1/1/2017				
	Số lượng cổ phần	% sở hữu vốn	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	% sở hữu vốn	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản	20.180.026	24,94%	24,94%	2.135.490.172.000	(*)	20.180.026	24,94%	24,94%	2.135.490.172.000	(*)

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của nó.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí bảo hiểm trả trước	529.006.737	275.991.355
Chi phí thuê hoạt động trả trước	2.743.145.104	1.338.972.436
Công cụ và dụng cụ trả trước	1.495.149.814	4.635.668.164
Chi phí khác	3.169.151.299	2.007.251.585
	<hr/>	<hr/>
	7.936.452.954	8.257.883.540
	<hr/>	<hr/>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	63.251.227.627	31.727.734.228	3.561.459.449	98.540.421.304
Tăng trong năm	76.929.386.513	10.777.774.560	4.913.216.132	92.620.377.205
Phân loại lại sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(17.580.589)	-	(17.580.589)
Phân loại lại từ/(sang) xây dựng cơ bản dở dang	-	(27.114.996)	93.416.642	66.301.646
Phân loại lại	(32.887.457)	(594.885.188)	627.772.645	-
Phân bổ trong năm	(1.648.581.655)	(20.365.313.633)	(3.775.279.216)	(25.789.174.504)
Thanh lý các công ty con	(21.861.255.327)	(6.778.758.729)	(550.486.941)	(29.190.500.997)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	116.637.889.701	14.721.855.653	4.870.098.711	136.229.844.065
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Lợi nhuận chưa thực hiện đối với các giao dịch nội bộ	17.279.572	390.732.111
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	5.456.133.017	862.992.152
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	209.782.155	427.775.463
Chi phí phải trả ngắn hạn	39.923.753.004	70.058.182.547
Lỗi tính thuế mang sang	8.298.229.453	-
Chi phí phải trả dài hạn	-	2.683.424.686
	<hr/>	<hr/>
	53.905.177.201	74.423.106.959
	<hr/>	<hr/>

18. Phải trả người bán – ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Pro-active Synergy Sdn. Bhd.	78.218.728.326	156.335.478.716
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	8.744.644.472	95.400.512.039
Các nhà cung cấp khác	207.349.626.617	520.480.880.094
	<hr/>	<hr/>
	294.312.999.415	772.216.870.849
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	19.785.828.526	-
Công ty TNHH Một Thành viên Con Cò Bình Định	13.063.333.563	1.968.779.860
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	8.744.644.472	95.400.512.039
Công ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Proconco Hưng Yên	438.732.470	165.770.286
Công ty TNHH Một Thành viên Proconco Cần Thơ	248.185.363	-
Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An	135.308.100	-

Khoản thương mại phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	Phân loại lại sang thuế phải thu VND	Giảm do thanh lý các công ty con VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	223.312.253	6.005.629.373	(6.017.906.374)	-	(15.219.212)	195.816.040
Thuế nhập khẩu	-	75.448.957.036	(75.448.957.036)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.632.020.032	23.491.890.456	(63.120.114.226)	9.401.971.557	(1.103.814.607)	7.301.953.212
Thuế thu nhập cá nhân	7.013.159.049	29.564.299.437	(29.175.299.009)	-	(97.551.864)	7.304.607.613
Thuế khác	540.464.703	5.651.535.023	(5.869.069.395)	-	-	322.930.331
	46.408.956.037	140.162.311.325	(179.631.346.040)	9.401.971.557	(1.216.585.683)	15.125.307.196

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số đã được hoàn lại trong năm VND	Phân loại lại từ thuế phải trả VND	31/12/2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	150.966.667	-	9.401.971.557	9.552.938.224
Thuế khác	161.553.018	(161.553.018)	-	-
	312.519.685	(161.553.018)	9.401.971.557	9.552.938.334

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Thưởng và lương tháng thứ 13	40.236.737.014	128.203.357.677
Chiết khấu thương mại	127.927.073.132	388.222.273.778
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	55.262.018.694	192.620.062.242
Chi phí lãi trái phiếu	59.136.111.111	49.816.666.666
Chi phí khác	9.278.076.735	29.854.420.427
	<hr/>	<hr/>
	291.840.016.686	788.716.780.790
	<hr/>	<hr/>
Ngắn hạn	291.840.016.686	754.473.369.412
Dài hạn	-	34.243.411.378
	<hr/>	<hr/>
	291.840.016.686	788.716.780.790
	<hr/>	<hr/>

21. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Cổ tức phải trả	-	1.988.000.000.000
Ký quỹ ngắn hạn nhận được	-	242.040.000
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	508.873.074	188.787.025
Các khoản khác	3.322.861.809	5.567.453.520
	<hr/>	<hr/>
	3.831.734.883	1.993.998.280.545
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Lãi vay phải trả cho một bên liên quan	13.744.595.980	37.578.191.778
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Phải trả khác cho các bên liên quan

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Cổ đông	-	1.988.000.000.000
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc (*)	13.744.595.980	37.578.191.778
Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang	321.957.620	-
Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An	1.309.000	-

(*) Khoản phải trả cho các bên liên quan không được bảo đảm và phải hoàn trả theo yêu cầu.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay và trái phiếu phát hành

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong năm				31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Thanh lý các công ty con VND	Cán trừ VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	1.468.674.614.457	1.468.674.614.457	4.568.001.331.558	(4.711.308.384.374)	(209.527.370.827)	(570.000.000.000)	545.840.190.814	545.840.190.814
Vay dài hạn hoàn trả trước ngày đáo hạn (Thuyết minh 22(b))	-	-	1.323.000.000.000	-	-	(1.323.000.000.000)	-	-
	1.468.674.614.457	1.468.674.614.457	5.891.001.331.558	(4.711.308.384.374)	(209.527.370.827)	(1.893.000.000.000)	545.840.190.814	545.840.190.814

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam (*)	VND	5,0% - 5,5%	484.366.753.605	1.265.859.002.587
Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam (*)	USD	2,4% - 3,0%	61.473.437.209	124.619.455.273
Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	4,7% - 4,8%	-	78.196.156.597
			545.840.190.814	1.468.674.614.457

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Khoản vay này có hạn mức tín dụng tối đa là 1.650 tỷ VND, không được đảm bảo và phải hoàn trả trong vòng một đến ba tháng kể từ ngày giải ngân.

(b) Vay và trái phiếu phát hành dài hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Vay dài hạn (i)	2.152.905.299.041	5.383.000.000.000
Trái phiếu thường (ii)	1.975.974.509.798	1.965.933.333.332
	4.128.879.808.839	7.348.933.333.332
Vay dài hạn hoàn trả trước ngày đáo hạn (Thuyết minh (22(a)))	(1.323.000.000.000)	(4.940.000.000.000)
	2.805.879.808.839	2.408.933.333.332
	2.805.879.808.839	2.408.933.333.332

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017	1/1/2017
				VND	VND
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	VND	6,5%	2019	829.905.299.041	443.000.000.000
				829.905.299.041	443.000.000.000
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				829.905.299.041	443.000.000.000

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Trái phiếu thường

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá:					
Lô 1	VND	7%	2021	1.300.000.000.000	1.300.000.000.000
Lô 2	VND	8%	2021	700.000.000.000	700.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ				(24.025.490.202)	(34.066.666.668)
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng				1.975.974.509.798	1.965.933.333.332

Bao gồm nhưng không giới hạn, các trái phiếu phát hành trên được đảm bảo bằng 12.662.189 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc được nắm giữ bởi Công ty TNHH MNS Feed (trước đây gọi là “Công ty TNHH Masan Nutri-Feed”) và 3.468.215 cổ phiếu của Công ty được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science (1/1/2017: 12.662.189 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc và 3.468.215 cổ phiếu của Công ty được nắm giữ bởi Công ty TNHH Kenji và Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science).

Biến động chi phí phát hành trái phiếu trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số đầu năm	34.066.666.668	-
Tăng trong năm	22.900.000.000	46.900.000.000
Phân bổ trong năm	(32.941.176.466)	(12.833.333.332)
Số cuối kỳ	24.025.490.202	34.066.666.668

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	2.394.235.525.925	-	2.596.125.263.511
Vốn góp	-	-	-	-	10.000.000	10.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	1.281.425.035.183	-	1.281.425.035.183
Cổ tức	-	-	-	(2.178.000.000.000)	-	(2.178.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	1.497.660.561.108	10.000.000	1.699.560.298.694
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	527.128.598.654	-	527.128.598.654
Thanh lý các công ty con trong giao dịch chịu sự kiểm soát chung (Thuyết minh 4)	-	-	-	(184.813.561.504)	-	(184.813.561.504)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	1.839.975.598.258	10.000.000	2.041.875.335.844

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

25. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	5.812.410.363	4.831.081.029
Từ hai đến năm năm	24.935.505.070	16.624.324.116
Sau năm năm	156.988.378.584	115.784.258.078
	187.736.294.017	137.239.663.223

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ	15.871	344.924.105	96.327	2.198.709.821

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	1.704.712.101.100	889.874.808.047
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	319.953.530.755	405.347.458.517
	<u>2.024.665.631.855</u>	<u>1.295.222.266.564</u>

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu	7.782.409.354.480	11.356.787.086.729
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	373.570.424.104	787.007.077.489
▪ Giảm giá hàng bán	194.484.897	-
▪ Hàng bán bị trả lại	5.800.590.170	772.863.250
	<u>379.565.499.171</u>	<u>787.779.940.739</u>
Doanh thu thuần	<u>7.402.843.855.309</u>	<u>10.569.007.145.990</u>

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Giá vốn hàng bán

	2017	2016
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	5.768.823.547.417	8.097.559.814.422
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.983.500.361)	7.397.663.112
	5.763.840.047.056	8.104.957.477.534

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	211.028.549.410	177.349.290.201
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.790.465.763	734.361.187
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.957.705.128	-
Khác	2.147.445.385	-
	217.924.165.686	178.083.651.388

29. Chi phí tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	201.139.985.956	88.416.086.423
Lãi trái phiếu và chi phí phát hành trái phiếu	191.302.287.573	62.649.999.998
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.216.211.269	3.306.126.314
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	292.637	3.399.353.875
Khác	879.706.400	47.081.898
	396.538.483.835	157.818.648.508

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí bán hàng

	2017 VND	2016 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	386.582.002.580	711.915.470.319
Chi phí nhân viên	162.025.724.989	179.565.140.587
Chi phí vận chuyển	30.516.474.813	63.587.227.434
Chi phí khấu hao	8.194.221.670	3.406.198.749
Công cụ và dụng cụ	7.990.136.758	2.621.634.487
Chi phí thuê hoạt động	2.783.609.389	-
Chi phí khác	98.829.884.299	92.162.661.078
	696.922.054.498	1.053.258.332.654

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	63.765.270.076	85.286.866.870
Chi phí thuê hoạt động	6.306.621.591	1.485.807.557
Chi phí khấu hao	15.945.145.847	5.552.598.684
Công cụ và dụng cụ	6.440.315.245	1.447.501.173
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	44.780.625.499	772.145.523
Chi phí khác	57.308.025.220	57.666.918.041
	194.546.003.478	152.211.837.848

32. Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	2.951.851.267	-
Hoàn nhập dự phòng	-	140.157.435.642
Lãi từ bán phế liệu	601.962.079	-
Thu nhập khác	1.927.871.917	3.960.749.476
	5.481.685.263	144.118.185.118

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí khác

	2017 VND	2016 VND
Giá trị ghi sổ của phế liệu đã bán	152.388.630	1.189.474.889
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	288.959.395	182.958.311
Chi phí khác	2.823.350.498	5.441.840.820
	<hr/>	<hr/>
	3.264.698.523	6.814.274.020

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	5.434.971.570.457	7.778.339.712.150
Chi phí nhân công và nhân viên	320.426.647.582	423.859.071.408
Chi phí khấu hao và phân bổ	98.730.754.740	58.734.198.662
Chi phí dịch vụ mua ngoài	133.484.901.960	441.631.249.515
Chi phí khác	667.694.230.293	691.588.012.185

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	21.921.166.061	151.781.547.293
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.570.724.395	12.384.437.160
	<hr/> 23.491.890.456	<hr/> 164.165.984.453
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	20.517.929.758	(29.442.607.704)
	<hr/> 44.009.820.214	<hr/> 134.723.376.749

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	571.138.418.868	1.416.148.411.932
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	85.670.762.830	212.422.261.790
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(44.745.547.562)	(103.074.756.453)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các hoạt động khác	896.399.728	4.053.456.617
Chi phí không được khấu trừ thuế	755.557.779	2.017.737.157
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	(138.076.956)	681.417.040
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.570.724.395	12.384.437.160
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất áp dụng cho các khoản chênh lệch tạm thời	-	6.238.823.438
	<hr/> 44.009.820.214	<hr/> 134.723.376.749

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản của giấy chứng nhận đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong toàn bộ thời gian dự án đối với phần thu nhập phát sinh từ hoạt động kinh doanh chế biến thức ăn gia súc và thức ăn thủy sản. Các điều khoản trong giấy chứng nhận đầu tư cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2004 đến năm 2006) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2007 đến năm 2013). Tất cả các miễn giảm thuế trên không áp dụng đối với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% (2016: 20%).

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và điều tra của các cơ quan thuế khác nhau, cơ quan thuế có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của họ, bao gồm các yêu cầu về chuyên giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và có thể gây ảnh hưởng đáng kể.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo là 527.128.598.654 VND (2016: 1.281.425.035.183 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 20.000.000 cổ phiếu (2016: 20.000.000 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	527.128.598.654	1.281.425.035.183

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2017	2016
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	20.000.000	20.000.000

37. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Thu nhập lãi cho vay được tái cơ cấu thành nợ gốc vay	-	58.400.000.000
Cần trừ phải thu về cho vay với nợ vay phải trả	2.202.074.458.000	-
Cần trừ về nợ vay phải trả với phải thu về cho vay	2.263.094.700.959	-
Cần trừ thu nhập lãi cho vay phải thu với chi phí lãi vay phải trả	217.680.037.480	-
Cần trừ chi phí lãi vay phải trả với thu nhập lãi cho vay phải thu	156.659.794.521	-
Tài sản cố định đã mua nhưng chưa thanh toán	15.072.289.743	-
Chi phí khấu hao được vốn hóa	438.077.613	-

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Cùng với số dư của các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan		
Cho vay	910.000.000.000	4.396.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	369.000.000.000	4.000.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	68.651.041.097	12.140.219.178
Các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Tiêu dùng Masan		
Phí hỗ trợ quản lý	21.833.313.310	-
Công ty TNHH Một Thành viên Con cò Bình Định		
Bán thành phẩm	48.280.039.969	55.165.899.040
Mua nguyên vật liệu	25.665.332.053	1.968.779.860
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc		
Bán thành phẩm và dịch vụ	1.029.467.196.603	781.626.763.604
Mua nguyên vật liệu	399.793.269.683	593.117.505.394
Vay	2.780.000.000.000	5.383.000.000.000
Hoàn trả nợ gốc vay	130.000.000.000	4.940.000.000.000
Nợ gốc vay và chi phí lãi vay được tái cơ cấu	2.411.894.338.040	-
Chi phí lãi vay	148.799.637.077	37.578.191.778
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên		
Bán thành phẩm	194.158.866.337	64.538.046.922
Mua nguyên vật liệu	7.833.506.383	3.004.328.680
Công ty TNHH Một Thành viên Proconco Cần Thơ		
Bán thành phẩm	14.801.450.505	26.011.701.690
Mua thành phẩm	4.584.883.329	-
Công ty TNHH Kenji		
Cho vay	-	58.400.000.000
Thu hồi khoản cho vay	33.500.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	40.492.536.987	63.353.600.000
Công ty TNHH Shika		
Cho vay	-	1.865.336.378.000
Thu hồi khoản cho vay	-	418.161.920.000
Thu nhập lãi cho vay	62.624.987.844	52.008.912.649

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
Các thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	8.630.579.300	21.481.619.076

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty và các công ty con có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn và các giao dịch thấu chi với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo điều khoản giao dịch thông thường.

39. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

40. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Tại ngày phát hành báo tài chính này, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Liên doanh Dinh dưỡng Thủy sản Quốc tế, Công ty TNHH Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Thái Nguyên và Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Hậu Giang cho Công ty TNHH MNS Feed (trước đây gọi là "Công ty TNHH Masan Nutri-Feed"), một công ty con của Công Cổ phần Masan Nutri-Science.

Vào ngày 23 tháng 2 năm 2018, Chủ tịch Công ty Liên doanh Dinh dưỡng Thủy sản Quốc tế, Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang, Công ty TNHH Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Thái Nguyên và Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An đã quyết định chuyển lợi nhuận chưa phân phối còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của các công ty này cho Công ty với số tiền lần lượt là 19.120.005.763 VND, 165.909.626.518 VND, 81.002.511.624 VND và 18.903.934.986 VND theo Phụ lục hợp đồng chuyển nhượng vốn góp giữa Công ty và Công ty TNHH MNS Feed (trước đây gọi là "Công ty TNHH Masan Nutri-Feed") ngày 20 tháng 12 năm 2017 trong đó hai bên thỏa thuận rằng toàn bộ lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của tất cả các công ty con sẽ thuộc về Công ty.

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Nguyễn Thị Thanh Tâm
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính

